

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày: 11/3/2020

V/v: “*Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Văn Hứng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phan Công Ny**

2/ Bà **Hồ Thị Kim L**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Trâm** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: đường HT, phường C, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Ánh D**, sinh năm 1952 (*Theo văn bản ủy quyền ngày 18/12/2018*) – Có mặt.

Địa chỉ: đường NC, phường F, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: **Ngân hàng Z**

Trụ sở: phố HT, phường PH, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Minh Ph**, sinh năm 1980 – Tổ trưởng tổ xử lý nợ Ngân hàng Z, chi nhánh Cần Thơ (*Theo văn bản ủy quyền ngày 26/11/2016*) – Có mặt.

Địa chỉ: đường PT, phường B, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1983 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: tổ 73, khu vực S, phường E, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

2/ **Phòng Công chứng L** – (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: đường NN, phường G, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Ánh D trình bày:

Ngày 22/02/2011, ông Trần Văn M và bà Trần Thị Kim L, ông Trần Văn P có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 7.541,5m² (đất trồng lúa), thuộc tờ bản đồ số 19, thửa 105, tọa lạc tại khu vực O, phường I, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng được Phòng công chứng L, thành phố Cần Thơ công chứng L83 ngày 22/02/2011. Đến ngày 18/3/2011, ông M được Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 081470 (Số vào sổ CH 01305). Do không thuận tiện trong sản xuất nên ngày 15/9/2011 ông M lập hợp đồng chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Nguyễn Ngọc S, hai bên đã giao nhận tiền cọc 300.000.000 đồng trong tổng giá trị chuyển nhượng là 2.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi ký hợp đồng chuyển nhượng thì Phòng công chứng L, thành phố Cần Thơ có văn bản từ chối công chứng ký ngày 19/9/2011, với lý do Phòng giao dịch F thuộc Ngân hàng Z có văn bản không cho ông M lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên.

Ông Trần Văn M cho rằng việc Ngân hàng Z có văn bản ngăn chặn là không đúng thẩm quyền, trái với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, ông M không có vay mượn, thế chấp cũng như phải thực hiện một nghĩa vụ nào đối với Ngân hàng Z. Từ việc ngăn chặn của Ngân hàng Z dẫn đến ông Trần Văn M vi phạm hợp đồng đối với ông Nguyễn Ngọc S và hậu quả phải bồi thường số tiền bị phạt cọc là 300.000.000 đồng.

Vì vậy, ông Trần Văn M khởi kiện yêu cầu Ngân hàng Z phải bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 25/02/2019, ông Trần Văn M có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất 10%/năm trên số tiền 300.000.000 đồng cho đến ngày Tòa án giải quyết.

- *Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện bị đơn – Ông Trần Thanh Ph trình bày:* Ngân hàng Z có cho các cá nhân vay tiền cụ thể là Phạm Minh N, Nguyễn Văn L, Phạm Thị Bích Th, Phạm Thanh X và Nguyễn Hoàng Đ. Tài sản thế chấp cho 5 khoản vay trên là quyền sử dụng đất với diện tích 7.541,5m² (đất trồng lúa), thuộc tờ bản đồ số 19, thửa 105, tọa lạc tại khu vực O, phường I, quận Bình Thủy,

thành phố Cần Thơ (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00886 do UBND quận Bình Thủy cấp ngày 29/10/2010 cho bà Trần Thị Kim L). Bà Trần Thị Kim L đã chuyển nhượng lại toàn bộ phần đất nêu trên cho Nguyễn Văn B (diện tích 1.541,5m²), Phạm Thanh X (diện tích 1.500m²), Nguyễn Hoàng Đ (diện tích 1.500m²), Phạm Thị Bích Th (diện tích 1.500m²) và Nguyễn Văn L (diện tích 1.500m²). Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này được vào thể chấp tại Phòng giao dịch F của Ngân hàng Z để hoán đổi tài sản thế chấp.

Mặc dù, các khoản vay vẫn chưa được tất toán và các tài sản thế chấp vẫn chưa được giải chấp nhưng phía Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn M vào ngày 18/3/2011. Do thấy có dấu hiệu lừa đảo nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ hồ sơ sang cơ quan điều tra, xác minh làm rõ sự việc.

Vì vậy, Ngân hàng Z không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Ngọc S trình bày: Ông và ông Trần Văn M có ký hợp đồng đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 7.541,5m² với giá 2.100.000.000 đồng và ông đã đặt cọc cho ông M với số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 19/9/2011, ông và ông M đến Phòng Công chứng L, thành phố Cần Thơ để công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên nhưng Phòng công chứng từ chối vì Ngân hàng Z có văn bản ngăn chặn. Vì vậy, ông yêu cầu ông M phải tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông nếu không phải bồi thường tiền cọc như đã cam kết.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Phòng Công chứng L, thành phố Cần Thơ trình bày: Thống nhất với trình bày của ông Trần Văn M về việc công chứng viên Trần Hoàng K từ chối công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông M với ông S, do có Công văn số 118/PGDAN ngày 21/7/2011 của Phòng giao dịch F - Ngân hàng Z về việc ngăn chặn không cho giao dịch đối với tài sản của ông Trần Văn M.

Tại phiên tòa:

- *Đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Ánh D trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng Z phải bồi thường số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm. Tính đến thời điểm xét xử làm tròn 85 tháng (2.500.000 đồng/tháng), thành tiền là 212.500.000 đồng. Cơ sở yêu cầu khởi kiện là dựa vào Hợp đồng đặt cọc, biên nhận tiền phạt cọc với ông Nguyễn Ngọc S. Đồng thời, tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 317/2015/HSST ngày 28/5/2015 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đã khẳng định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông M là hợp pháp, việc ngăn chặn của Ngân hàng Z là trái pháp luật.

Đối với Quyết định giám đốc thẩm số: 157/2018/DS-GĐT ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số: 385/TB-TA ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao có sự nhầm lẫn tình tiết của vụ án khác đối với 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Phong Điền.

- *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Ông Trần Minh Ph trình bày:* Ngân hàng Z không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với các lý do như sau:

+ Tại thời điểm ông Trần Văn M nhận đặt cọc từ ông Nguyễn Ngọc S thì phần quyền sử dụng đất đang thế chấp tại một Ngân hàng khác nên việc ông M nhận tiền cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất đang thế chấp là trái pháp luật.

+ Việc Ngân hàng Z ngăn chặn không phải là không cho chuyển nhượng mà chỉ là tạm dừng để chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền. Vì tài sản này thuộc tài sản thế chấp của Ngân hàng vẫn chưa được giải chấp.

+ Theo văn bản số: 614/PC46-Đ6 ngày 11/11/2011 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Cần Thơ đã xác định phần đất của ông M là đối tượng trong vụ án hình sự nên việc đại diện nguyên đơn cho rằng Quyết định giám đốc thẩm số: 157/2018/DS-GĐT ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số: 385/TB-TA ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao có sự nhầm lẫn tình tiết của vụ án khác là không đúng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, giao nhận chứng cứ là đúng quy định. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn thụ lý và thời gian đưa vụ án ra xét xử. Các đương sự thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa thỏa mãn các điều kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại như: có hành vi trái pháp luật, có lỗi, có thiệt hại, có mối quan hệ nhận quả giữa hành vi vi phạm pháp luật với thiệt hại xảy ra. Do đó, Căn cứ Điều 604 Bộ luật Dân sự năm 2005; Mục 1 Phần I Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn ông Trần Văn M khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn Ngân hàng Z phải bồi thường thiệt hại do hành vi ngăn chặn

chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái pháp luật với số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Ngọc S, Phòng Công chứng L, thành phố Cần Thơ có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung*:

Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc Ngân hàng Z phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 512.500.000 đồng (gồm 300.000.000 đồng thiệt hại và tiền lãi 212.500.000 đồng), trên cơ sở Ngân hàng Z đã có hành vi ngăn chặn việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái pháp luật. Cụ thể, Phòng giao dịch F - Ngân hàng Z đã có Công văn số: 118/PGDAN ngày 21/7/2011 thông báo ngăn chặn không cho chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 7.541,5m², dẫn đến việc ông M chuyển nhượng được quyền sử dụng đất và phải bồi thường tiền cọc cho ông Nguyễn Ngọc S 300.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ theo quy định tại Điều 604 Bộ luật Dân sự năm 2005; Mục 1 Phần I Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trong 04 điều kiện để yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cần “*Phải có hành vi trái pháp luật*” và “*Phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật*”. Do đó, cần phải xem xét hành vi ngăn chặn của Ngân hàng Z có trái pháp luật hay không mới xác định được trách nhiệm bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông Trần Văn M và Ngân hàng Z đều là người bị thiệt hại trong vụ án hình sự lừa đảo, làm giả con dấu chiếm đoạt tài sản do Trần Thị Bạch H cầm đầu. Các bị cáo có hành vi lừa đảo làm giả giấy tờ, con dấu mà trước đó các bị cáo đã thế chấp vay tiền Ngân hàng Z. Được sự đồng ý của Nguyễn Phương Gi – Nguyên là giám đốc PGD F cho H rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển nhượng lại cho nhiều người, trong đó có ông Trần Văn M và ông M đã được UBND quận Bình Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông M ký hợp đồng đặt cọc với ông Nguyễn Ngọc S 300.000.000 đồng để chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Khi các bên đến Phòng công chứng để công chứng hợp đồng chuyển nhượng thì Công chứng viên từ chối với lý do Phòng giao dịch F - Ngân hàng Z đã có Công văn số: 118/PGDAN ngày 21/7/2011 thông báo ngăn chặn không cho chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 7.541,5m².

Xét quyền sử dụng đất diện tích 7.541,5m² trước khi ông M nhận chuyển nhượng đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng vẫn chưa được giải chấp theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc Ngân hàng phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo đã tố cáo đến cơ quan điều tra xem xét, khởi tố vụ án và yêu cầu ngăn chặn việc chuyển dịch quyền về tài sản chờ kết luận của cơ quan điều tra là hành vi chính đáng, nhằm bảo vệ quyền về tài sản của mình. Ngoài ra, theo xác nhận ngày 21/10/2010 và văn bản số: 614/PC46-Đ6 ngày 11/11/2011 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Cần Thơ (BL số 14, 18) thì quyền sử dụng đất nêu trên đang là đối tượng phải điều tra trong vụ án hình sự. Hơn nữa, yêu cầu ngăn chặn của Ngân hàng Z chỉ mang tính chất là “đề nghị”, bởi Ngân hàng hoàn toàn không có quyền ra quyết định ngăn chặn việc chuyển dịch quyền sử dụng đất, còn việc chấp nhận hay không là tùy thuộc vào cơ quan có thẩm quyền. Theo văn bản số: 614/PC46-Đ6 ngày 11/11/2011 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Cần Thơ có nội dung: “*Quyền sử dụng đất 7.541,5m², theo giấy chứng nhận số BD 235170... Cơ quan CSĐT CATP Cần Thơ đề nghị các Văn phòng công chứng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Phòng TNMT quận Bình Thủy tạm ngưng công chứng, sang tên chủ quyền đối với thửa đất trên, chờ phán quyết cuối cùng của Tòa án*”. Như vậy, yêu cầu ngăn chặn chuyển dịch quyền sử dụng đất của Ngân hàng Z đã được Cơ quan CSĐT Công an thành phố Cần Thơ chấp nhận. Do đó, có thể khẳng định hành vi đề nghị ngăn chặn của Ngân hàng Z không phải là hành vi trái pháp luật và Ngân hàng cũng không có lỗi trong việc gây ra thiệt hại cho nguyên đơn.

Đối với thiệt hại của ông Trần Văn M do chịu phạt cọc 300.000.000 đồng đối với ông Nguyễn Ngọc S là chưa đảm bảo quy định của pháp luật. Bởi lẽ, trường hợp ông M không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông S thuộc trường hợp bất khả kháng, không phải do lỗi của ông M nên việc ông M đồng ý bồi thường cho ông S là xuất phát từ ý chí tự nguyện của ông, chưa đảm bảo các quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bồi thường tổng số tiền 512.500.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí phải nộp cho nguyên đơn.

Ông Trần Văn M được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 604 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Mục 1 Phần II Nghị quyết Số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M về việc buộc Ngân hàng Z bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 512.500.000 đồng (*Năm trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn toàn bộ tiền án phí phải chịu, được nhận lại 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000697 ngày 13/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Hứng